TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2023/QĐST-KDTM	*An Dương, ngày 05 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; trụ sở chính: Số … l, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H – Chuyên viên Xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V; là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (theo Văn bản uỷ quyền số 438/2023/UQ-LCC-KHCNMB02 ngày 10/01/2023).

- *Bị đơn*:

+ Ông Phạm Văn B; ĐKHKTT: Số 20, Đường ..., phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn K, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng.

+ Bà Ninh Thị A; ĐKHKTT: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn K, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về số nợ:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V và vợ chồng ông Phạm Văn B, bà Ninh Thị A cùng xác nhận: Tính đến hết ngày 01/8/2023, ông B, bà A còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: **352.052.354** đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng). Trong đó:

- Hợp đồng cho vay số LN 1804090611726 ngày 17/4/2018 và Khế ước nhận nợ số LN1804090611726 ngày 17/4/2018:

+ Nợ gốc: 241.708.000 đồng;

+ Lãi trong hạn: 25.991.646 đồng;

+ Lãi quá hạn: 49.199.189 đồng;

+ Phạt chậm trả lãi: 7.586.717 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LD1923307314 ngày 21/8/2019:

+ Nợ gốc: 5.797.743 đồng;

+ Lãi trong hạn: 260.299 đồng;

+ Lãi quá hạn: 2.747.364 đồng;

+ Phạt chậm trả lãi: 317.467 đồng.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện thử (Thẻ tín dụng số 186-P-1517990):

+ Nợ gốc: 5.455.889 đồng;

+ Nợ lãi: 12.988.040 đồng.

* Về nghĩa vụ trả nợ:

Ông B, bà A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền đối với các khoản vay tại đối với Hợp đồng cho vay số LN 1804090611726 ngày 17/4/2018, Khế ước nhận nợ số LN1804090611726 ngày 17/4/2018, Hợp đồng cho vay số LD1923307314 ngày 21/8/2019 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện thử (Thẻ tín dụng số 186-P-1517990) tính đến hết ngày 01/8/2023 là: **352.052.354** đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi tư đồng). Trong đó: Nợ gốc là 252.961.632 đồng, lãi trong hạn là 26.251.945 đồng, lãi quá hạn là 64.934.593 đồng, phạt chậm trả là 7.904.184 đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số LN 1804090611726 ngày 17/4/2018 và Khế ước nhận nợ số LN1804090611726 ngày 17/4/2018:

+ Nợ gốc: 241.708.000 đồng;

+ Lãi trong hạn: 25.991.646 đồng;

+ Lãi quá hạn: 49.199.189 đồng;

+ Phạt chậm trả lãi: 7.586.717 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LD1923307314 ngày 21/8/2019:

+ Nợ gốc: 5.797.743 đồng;

+ Lãi trong hạn: 260.299 đồng;

+ Lãi quá hạn: 2.747.364 đồng;

+ Phạt chậm trả lãi: 317.467 đồng.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện thử (Thẻ tín dụng số 186-P-1517990):

+ Nợ gốc: 5.455.889 đồng;

+ Nợ lãi: 12.988.040 đồng.

Kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2023, ông Phạm Văn B và bà Ninh Thị A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN 1804090611726 ngày 17/4/2018, Khế ước nhận nợ số LN1804090611726 ngày 17/4/2018, Hợp đồng cho vay số LD1923307314 ngày 21/8/2019 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện thử (Thẻ tín dụng số 186-P-1517990) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

* Trường hợp ông Phạm Văn B và bà Ninh Thị A không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3503/HĐTC/2018; quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD đã ký giữa ông Phạm Văn B - bên thế chấp tài sản và Ngân hàng Thương mại cổ phần V - bên nhận thế chấp tài sản, do Công chứng viên Văn phòng Công chứng Đ, thành phố Hải Phòng chứng nhận ngày 16/4/2018. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 393c, tờ bản đồ số: 17, địa chỉ: Xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 632734, số vào sổ

cấp GCN: 01839QSDĐ/ do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 09/01/2004, đứng tên chủ sử dụng là ông Phạm Văn B.

Đối với các công trình xây dựng trên đất không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông B, bà A sẽ có trách nhiệm tự tháo dỡ khi có yêu cầu.

Nếu số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng ông Phạm Văn B, bà Ninh Thị A phải tiếp tục trả số nợ còn thiếu; nếu số tiền phát mại tài sản, sau khi trả nợ còn thừa sẽ trả lại cho ông B.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Văn B và bà Ninh Thị A nộp 8.801.309 đồng (Tám triệu, tám tăm linh một nghìn, ba trăm linh chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 8.913.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004544 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Lý